TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 125/2026/HSST;

Ngày: 02 tháng 7 năm 2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Bình Thủy;

2. Ông Nguyễn Đình Thung;

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trịnh Hồ Hải Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày: 21/11/1994; Nơi sinh: tỉnh An Giang. Căn cước công dân số: 091094005259; Nguyên quán: tỉnh An Giang; Nơi thường trú: ấp H, xã V, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện nay: ấp E, xã G, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn R, sinh năm 1964 và Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969 (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 28/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 36/2016/HSST (đã xóa án tích); Ngày 19/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 64/2020/HSST (đã xóa án tích); Ngày 19/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 19/2026/QĐ-TA. Bị cáo đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B tỉnh Đồng Tháp.

- Bị hại: Đoàn Văn N, sinh năm: 1971; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã G, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là: Ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp.)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn Cảnh A, sinh năm: 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/01/2026, bị cáo Trần Văn T thuê một người (không rõ họ tên, địa chỉ) chạy xe mô tô hai bánh (xe ôm) chở T về nhà cha T đang ở nhờ trên đất ông Đoàn Văn N tại ấp E, xã G, tỉnh Đồng Tháp, để gặp cha của T xin tiền tiêu xài. Bị cáo T xin số điện thoại và kêu người xe ôm này dừng xe ở đầu đường đợi, T đi bộ vào không thấy cha T ở nhà, nhà ông N không có ai nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T mở cửa phía sau nhà (cửa đóng nhưng không có khoá) lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xám-Đen, biển số 63AH-114.41; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, phía sau có dán tem ghi chữ màu hồng "MAKETING"-"STYLE-TH"; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và vài tờ tiền Việt Nam lẻ tổng trị giá khoảng 10.000 đồng (mười nghìn đồng). Bị cáo T đẩy xe ra ngoài bằng đường cửa sau, xe có chìa khóa nhưng T không biết điều khiển nên T dẫn xe đi được khoảng 100 mét đến cụm khu công nghiệp B xã G, T gọi vào số điện thoại 0359.675.923 của người đàn ông chạy xe ôm vào để chỉ T cách điều khiển xe. Khi sử dụng xe được thì Thôi điều khiển xe chở người đàn ông chạy xe ôm quay lại lấy xe của người đàn ông chạy xe ôm và trả cho người đàn ông này 110.000 đồng. Thôi điều khiển xe vừa trộm được đi về quán nước do chị Nguyễn Thị Kim H làm chủ tại phường L và chạy thẳng ra phía sau quán dựng, bị cáo T nói với chị H là xe của bạn T cho mượn. Đến 10 giờ ngày 02/01/2026, T sử dụng 50.000 đồng mua đồ ăn và 50.000 đồng mua cặp kính chiếu hậu gắn vào xe, T tháo tem xe để tránh bị công an phát hiện.

Ông N phát hiện mất xe nên trình báo Công an xã G giải quyết. Đến 16 giờ 30 ngày 03/01/2026, Công an xã G tiến hành làm việc Thôi và thu giữ các tài sản mà T đã trộm.

Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 07/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự, kết luận: Tổng giá trị tài sản: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu Xám-Đen, biển số 63AH-144.41, số máy G3D4E1175220, số khung: RLCUG1010RY404176 và 01 (một) nón bảo hiểm (loại nữa đầu) màu đen, phía sau có dán tem ghi chữ màu hồng "MAKETING"-"STYLE-TH", định giá tại thời điểm 02/01/2026 là 20.090.000 đồng (hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

* Vật chứng, tài liệu thu giữ và xử lý:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu X-Đen, mâm xe màu cam, biển số 63AH-11441, số khung: RLCUG1010RY404176, số máy: G3D4E1175220; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, phía sau có dán tem ghi chữ màu hồng "MAKETING" - "STYLE TH"; 01 (một) chìa khoá, trên phần thân có ghi "A5864856"; 01 (một) remote màu đen, trên phần thân có ghi "85648/SDPPI/2022" - "13214" - "GHM-Y001-T01". Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông N.

- 02 (hai) kính chiếu hậu màu đen;

- 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 355774103138450, có gắn sim V số 0325508939;

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị can phải bồi thường gì thêm.

* Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản như Cáo trạng Viện kiểm sát nêu là đúng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 138/CT-VKSKV2 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân khu vực 2 – Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "trộm cắp tài sản'' theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

+ Căn cứ: khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành á.

+ Về vật chứng: Căn cứ: Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 355774103138450, có gắn sim Viettel số 0325508939.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) kính chiếu hậu màu đen.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Văn T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Văn C Anh vắng mặt. Người làm chứng Nguyễn Thị Kim H vắng mặt. Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử vắng mặt anh A, chị H. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh A, chị H vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người này. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] *Về nội dung:*

1. Về tội danh: Bị cáo Trần Văn T là thanh niên có đầy đủ sức khỏe, năng lực hành vi và ý thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 63AH-144.41 có giá trị là 20.090.000 đồng; 01 (một) nón bảo hiểm (loại nữa đầu) màu đen, phía sau có dán tem ghi chữ màu hồng "MAKETING"-"STYLE-TH"; tiền Việt Nam 210.000 đồng của bị hại. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến gì về việc định giá và thống nhất với giá của Hội đồng định giá đã định. Từ những phân tích trên đã đủ cơ sở truy tố bị cáo Trần văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

2. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được luật pháp Nhà nước bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục răn đe và phòng chống tội phạm.

3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

4. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

5. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 355774103138450, có gắn sim Viettel số 0325508939 đây là dụng cụ giúp sức để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ .

- Đối với 02 (hai) kính chiếu hậu màu đen không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

7. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là có cơ sở.

Qua ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[I] Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Trần văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản''. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

[II] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

[III] Về xử lý vật chứng: Căn cứ, Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 355774103138450, có gắn sim Viettel số 0325508939.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) kính chiếu hậu màu đen.

(Theo lệnh nhập vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ngày 29/4/2026)

[IV] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

[V] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- VKSND tỉnh Đồng Tháp.
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- CQ.CSĐTCA tỉnh Đồng Tháp;
- CQ. THAHS tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ sở cai nghiện số 2 – CA tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt Hồng